

Bản án số: 58/2023/HS-ST
Ngày 07/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Văn Kẻo

Ông Nguyễn Duy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Huế - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HS ngày 25/7/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn S** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 07/4/1989; Tại: TĐ, Lai Châu;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: bản CP, xã BG, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần A T, sinh năm 1963; con bà Vàng Thị H, sinh năm 1966. Gia đình bị cáo có 05 anh em ruột. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình. Vợ: Xu Thị G, sinh năm 1990 (đã ly hôn), con: 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; Về nhân thân: tại Bản án số 52/2010/HSST ngày 29/9/2010, Trần Văn S bị Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1, Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại Bản án số 45/2014/HSST ngày 27/6/2014, Trần Văn S bị Tòa án nhân dân huyện TĐ, tỉnh Lai Châu áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; Điều 53; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã thi hành khoản án phí, biện pháp tư pháp. Hiện bị cáo Trần Văn S đã được xóa án tích đối với 02 bản án trên.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 27/02/2023 đến ngày 08/3/2023 bị áp dụng biện pháp tạm giam, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Pờ Xuân K** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 20/10/2002; Tại: MT, Lai Châu;

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Bản MC, xã MC, huyện MT, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Hà Nhì; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Pờ Lù S1, sinh năm 1982; con bà Toán Mụ N, sinh năm 1983. Gia đình bị cáo có 03 anh em ruột. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/3/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Lý Xú C** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 22/7/2003; Tại: MT, Lai Châu;

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Bản LN, xã TL, huyện MT, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Hà Nhì; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên trường Cao đẳng cộng đồng Lai Châu; Con ông: Lý Cá PH, sinh năm 1973; con bà Chu Khừ D, sinh năm 1976. Gia đình bị cáo có 02 anh em ruột. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/3/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Phùng Đa P** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 02/02/2003; Tại: MT, Lai Châu;

Nơi ĐKHKT và chỗ ở: Bản Gò Khà, xã TL, huyện MT, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Hà Nhì; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Phùng Lé C1, sinh năm 1980; con bà Lý Lý N2, sinh năm 1983. Gia đình bị cáo có 03 anh em ruột. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 23/3/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện TĐ, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P:* Bà Nguyễn Thị Nga, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Lò Văn TH, sinh năm 2002. Địa chỉ: Bản CHC, trị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do)

* *Người tham gia tố tụng khác:*

- *Người làm chứng:*

1. Chị Trần Thị Kim D, sinh năm 1975. Đại chỉ: Tổ X, phường ĐP, thành phố LC (vắng mặt không có lý do)

2. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ Y, phường TP, thành phố LC, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Chiều ngày 26/02/2023, Lý Xú C rủ Pờ Xuân K và Phùng Đa P đến phòng trọ của C tại tổ A, phường ĐK, thành phố LC, tỉnh Lai Châu ăn cơm, uống rượu (K, P là chiến sỹ nghĩa vụ Công an tỉnh Lai Châu). Sau khi ăn cơm xong, khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày K rủ C và P đi xuống xã BG, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu sử dụng ma túy. K nói không có tiền, C và P nhất trí mỗi người

góp 100.000 đồng để mua ma túy. Sau đó, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 25U1-066.37 (K mượn của Lò Văn TH) chở C, P đi từ thành phố LC đến nhà Trần Văn S ở bản CP, xã BG, huyện TĐ. Tại nhà S, K hỏi: có chỗ nào mua được ma túy không, S trả lời: có. K bảo C, P chuyển tiền cho S, C dùng điện thoại di động chuyển khoản cho P số tiền 100.000 đồng, P dùng điện thoại chuyển khoản cho S tổng số tiền 200.000 đồng. Nhận được tiền, S lấy xe mô tô biển kiểm soát 25U1-066.37 chở C đi đến thành phố LC mua ma túy. Khi đến Tổ X, phường ĐP, thành phố LC, S vào cửa hàng của chị Trần Thị Kim D, chuyển khoản cho chị D số tiền 200.000 đồng để lấy tiền mặt. S cầm tiền một mình đi mua một gói Heroine (gói bằng mảnh giấy màu nâu vàng) giá 200.000 đồng của một người đàn ông không rõ lai lịch ở phường ĐP, thành phố LC. Mua ma túy, S đưa cho C cất giấu rồi điều khiển xe mô tô đi về.

Về đến nhà S ở bản CP, xã BG, huyện TĐ, C để gói Heroine trên bàn uống nước, K hỏi: có giấy bạc không, S lấy một mảnh giấy bạc đưa cho K. K mở gói Heroine cho một ít vào mảnh giấy bạc rồi dùng bật lửa hơi để sử dụng bằng hình thức hít. Sử dụng xong, K tiếp tục cho Heroine vào mảnh giấy bạc rồi hơi lửa cho Phạ, C sử dụng. Sau đó, K cho số Heroine còn lại vào mảnh giấy bạc đưa cho S, S tự đốt lửa sử dụng bằng hình thức hít. Sử dụng xong ma túy, K điều khiển xe mô tô chở C và P đi về, K trả xe mô tô cho Lò Văn TH rồi tiếp tục đi bộ đến phòng trọ của C uống rượu. Uống rượu xong, K đi về khu tập thể Phòng Cảnh sát cơ động Công an tỉnh Lai Châu, do say rượu và sử dụng ma túy, K ngủ quên ở sân trước cửa nhà ông Nguyễn Văn L tại Tổ Y, phường TP, thành phố LC. Thấy K có biểu hiện bất thường, ông L thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố LC. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố LC đưa Pờ Xuân K về trụ sở Công an phường TP, thành phố LC làm việc, K đã tự khai báo về hành vi “Tổ chức sử dụng ma túy” cùng với Trần Văn S, Lý Xú C và Phùng Đa P.

Tiến hành kiểm tra ma túy đối với Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P, kết quả đều dương tính. Ngày 22/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TĐ phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ tiến hành thực nghiệm điều tra, kết quả: S, K, C, P đã diễn lại hành vi của mình đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra tạm giữ của Lò Văn TH 01 xe mô tô biển kiểm soát 25U1-066.37; tạm giữ của Trần Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo; tạm giữ của Lý Xú C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 Plus; tạm giữ của Phùng Đa P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, loại VOS 3.0. Đối với các công cụ mà S, K, C, P dùng để sử dụng ma túy (bật lửa, mảnh giấy bạc), các bị cáo khai đã làm rơi mất, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKSTĐ, ngày 11/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ truy tố bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận điều tra và bản cáo trạng nêu trên.

Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lò Văn TH trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25U1-066.37

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát huyện TĐ giữ nguyên quan điểm truy tố của mình đồng thời phân tích, đánh giá toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Về hình phạt: Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Pờ Xuân K từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2023. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn S, Lý Xú C, Phùng Đa P: Xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2023; xử phạt bị cáo Lý Xú C 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2023; xử phạt bị cáo Phùng Đa P 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/3/2023. Áp dụng khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo (kèm theo 02 sim) thu giữ của Trần Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 Plus (kèm theo 01 sim) thu giữ của Lý Xú C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, loại VOS 3.0 (kèm theo 01 sim) thu giữ của Phùng Đa P. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P Trần Văn S theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P trình bày luận cứ bào chữa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Pờ Xuân K, cho bị cáo K hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt; đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phùng Đa P, Lý Xú C, cho bị cáo Phùng Đa P, Lý Xú C hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Kiểm sát viên đối đáp đối với yêu cầu của người bào chữa về việc áp dụng đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Pờ Xuân K: Bị cáo Pờ Xuân K là người khởi xướng, cung cấp phương tiện đi mua ma túy, cung cấp công cụ để các bị cáo sử dụng ma túy, lẽ ra bị cáo K phải là người có mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác nhưng do bị cáo K có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trên cơ sở xem xét, cân nhắc, Viện kiểm sát đề nghị mức án phù hợp với tính chất hành vi phạm phạm tội của bị cáo nên giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ để quyết định mức án phù hợp đối với bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TĐ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TĐ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người bào chữa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra các bị cáo Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P, Trần Văn S đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ căn cứ khẳng định: Chiều tối ngày 26/02/2023, tại nhà Trần Văn S ở bản CP, xã BG, huyện TĐ, S và Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P đã cùng nhau thực hiện việc chuẩn bị địa điểm, phương tiện, dụng cụ, mua Heroine để sử dụng trái phép chất ma túy. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đồng phạm với vai trò cùng là người thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo Pờ Xuân K là người khởi xướng, cung cấp phương tiện đi mua ma túy, cung cấp công cụ để các bị cáo sử dụng ma túy; bị cáo Trần Văn S đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, trực tiếp đi mua Heroine, cung cấp địa điểm, công cụ để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy; Lý Xú C và Phùng Đa P đồng phạm với vai trò thấp hơn, trong đó Lý Xú C là người cung cấp tiền, cùng S đi mua ma túy và Phùng Đa P là người cung cấp tiền để mua ma túy cùng nhau sử dụng. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đủ khả năng nhận biết ma túy là độc dược gây nghiện, làm tổn hại cho sức khỏe của bản thân và người khác và là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú

C, Phùng Đa P đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn S có nhân thân xấu, bị cáo đã 02 lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích), đi chấp hành án chịu sự giáo dục nghiêm khắc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, các bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số; các bị cáo Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Pờ Xuân K đã tự thú khai báo về hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện và có ông nội là Pờ Mỏ Lòng được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhì, bố đẻ là ông Pờ Lù Sơn công tác trong ngành giáo dục được tặng nhiều giấy khen, bằng khen. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho các bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng bị cáo Pờ Xuân K được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục bị cáo, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo Pờ Xuân K hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét thấy, mức án mà người bào chữa đề nghị chưa đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, gia đình thuộc bị cáo Pờ Xuân K thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo (kèm theo 02 sim) thu giữ của Trần Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 Plus (kèm

theo 01 sim) thu giữ của Lý Xú C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, loại VOS 3.0 (kèm theo 01 sim) thu giữ của Phùng Đa P là công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

[6] Những vấn đề liên quan:

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25U1-066.37 Pờ Xuân K mượn của Lò Văn TH. Quá trình điều tra xác định, Thành không biết việc K sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi tổ chức sử dụng chất ma túy. Căn cứ đơn đề nghị của Lò Văn TH, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, ngày 24/6/2023 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô cho Lò Văn TH. Việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của Cơ quan điều tra là đúng quy định pháp luật.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo Trần Văn S khai mua của một người không rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với Lò Văn TH là chủ sở hữu chiếc xe mô tô biển kiểm soát 25U1-066.37, Trần Thị Kim D là người đổi tiền mặt cho Trần Văn S. Quá trình điều tra xác định, Thành không biết việc Pờ Xuân K sử dụng xe mô tô để đi sử dụng ma túy, Dung không biết việc S lấy tiền mặt đi mua ma túy sử dụng. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Lò Văn TH, Trần Thị Kim D là đúng quy định.

[7] Về án phí: Tại phiên tòa, các bị cáo Pờ Xuân K, Phùng Đa P, Lý Xú C, Trần Văn S đề nghị hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Xét thấy, các bị cáo Pờ Xuân K, Phùng Đa P, Lý Xú C, Trần Văn S là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo Pờ Xuân K thuộc hộ nghèo, theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Pờ Xuân K, Phùng Đa P, Lý Xú C, Trần Văn S thuộc trường hợp miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Xuân S, Lý Xú C, Phùng Đa P.

Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Pờ Xuân K.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S, Pờ Xuân K, Lý Xú C, Phùng Đa P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/02/2023.

Xử phạt bị cáo Pờ Xuân K 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/3/2023.

Xử phạt bị cáo Lý Xú C 07 (*Bảy*) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/3/2023.

Xử phạt bị cáo Phùng Đa P 07 (*Bảy*) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/3/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo (kèm theo 02 sim) thu giữ của Trần Văn S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 7 Plus (kèm theo 01 sim) thu giữ của Lý Xú C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, loại VOS 3.0 (kèm theo 01 sim) thu giữ của Phùng Đa P

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 16 giờ 15 phút ngày 27/6/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TĐ với Chi Cục thi hành án dân sự huyện TĐ).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Pờ Xuân K, Trần Văn S, Lý Xú C, Phùng Đa P.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện TĐ;
- Chi Cục THADS huyện TĐ;
- Công an huyện TĐ (CQĐT; Nhà tạm giữ; Cơ quan THAHS công an huyện);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Tuyết

